

MỘNG TRONG THƠ CHỮ HÁN NGUYỄN DU

NGÔ THỊ THANH TÂM*

TÓM TẮT

Trong thơ chữ Hán Nguyễn Du, bên cạnh một thế giới thực với những miêu tả, phản ánh cụ thể và xúc động về cuộc sống xã hội, con người còn có sự tồn tại hiển nhiên của một thế giới khác, vô hình – thế giới của những giấc mộng. Trong bài viết này, chúng tôi đưa ra đôi điều suy nghĩ về những giấc mộng, những tưởng tượng mơ hồ trong thơ chữ Hán Nguyễn Du, đồng thời chỉ ra ý nghĩa nghệ thuật đặc sắc của nó.

Từ khóa: thơ chữ Hán, Nguyễn Du, hư ảo, mộng.

ABSTRACT

Dreams in Nguyen Du's Sino poems

Reading Nguyen Du's Sino poems, we easily realize the existence of a real world with specific descriptions, reflections and emotions about the social life and people. Besides, it is undeniable that an invisible world obviously exists in Nguyen Du's Sino poems. The article presents some of our opinions about dreams and unreal things in Nguyen Du's Sino poems, and at the same time we also would like to indicate its significant art effects.

Keywords: Sino poems, Nguyen Du, unreal, dream.

Mộng đã xuất hiện trong văn học từ rất lâu. Thần thoại, sử thi... là những minh chứng đầu tiên cho thấy sự xuất hiện của thế giới mộng. Đó là thế giới của thần, tiên, của những phép màu, của những con người mang sức mạnh thần linh... Trong nghệ thuật, *mộng* không chỉ là việc ghi lại những giấc mơ khi ngủ của nhà văn, *mộng* còn là mong ước, tưởng tượng của tác giả trong cuộc sống thực tại. Dù trong trường hợp nào, khi đã là một sáng tạo hiện hữu trong văn bản ngôn từ nghệ thuật, *mộng* đều đã đi qua sự khúc xạ đặc biệt của ý thức nhà văn để diễn tả một quan niệm của nhà văn về cuộc sống, về thế giới. Mặc dù những giấc mơ đến từ thế giới tiềm thức, vô thức nhưng khi nhà văn viết lại những giấc mơ ấy thành *mộng* trong tác phẩm

thì ý thức của ông đã làm việc, đã in dấu vào giấc mộng trong nghệ thuật kia rồi.

Thơ chữ Hán Nguyễn Du trùng điệp những giấc mộng. Từ “*mộng*” xuất hiện đến 26 lần trong 3 tập thơ chữ Hán Nguyễn Du. Chính nhà thơ cũng tự nhận mình là người hay sống trong mộng mị như bạn ông từng nhận xét:

Tri giao quái ngã sầu đa mộng

(Bạn bè thân thiết lấy làm lạ rằng sao ta hay sầu mộng)

(Ngẫu đề)

Có những giấc mộng được nhà thơ miêu tả lại, phác họa lại trong thơ một cách chi tiết như *mộng hái sen*, *mộng gặp vợ*... Có những giấc mộng chỉ được nhắc đến qua tên như *mộng lấy lá chuối giấu hươu*, *mộng cỏ bờ ao*, *mộng phồn hoa*... Có những giấc mơ đẹp đẽ, lãng mạn, và cũng có cả những giấc chiêm bao đầy hãi hùng. *Mộng* trong thơ chữ

* ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

Hán Nguyễn Du theo nghĩa hẹp có thể hiểu là những giấc mộng, cơn mơ của ông; theo nghĩa rộng là toàn bộ những tưởng tượng lãng mạn, vượt ra ngoài “đường biên” thực tế của tác giả thể hiện trong sáng tác.

1. Thế giới tâm hồn Nguyễn Du ẩn chứa nhiều cái nhìn tài tử của Lão Trang về cuộc đời và cái đẹp. Trong *Mộng đắc thái liên*, nhân vật trữ tình có hẹn với cô láng giềng đi hái sen sáng sớm. Cô gái “*Chẳng biết đến lúc nào không biết*” mà “*Cách khóm hoa nghe tiếng cười nói*”:

Bắt tri lai bất tri,

Cách hoa văn tiểu ngữ

(Mộng đắc thái liên III)

Cô gái ở đâu không rõ, mà “*trong nước có bóng người*”:

Thủy trung hữu nhân ảnh

(Mộng đắc thái liên III)

Hình ảnh “*cô láng giềng*” hiện lên chỉ với vài nét chấm phá ít ỏi, nhưng những nét chấm phá ấy cũng thật mơ hồ. Không thấy người thật mà chỉ thấy bóng người, chỉ nghe tiếng người cười nói. Nhưng điều đáng nói là cái bóng kia lại in trên một bề mặt vô định là nước hồ. Nước sóng sánh, bóng sẽ tan biến ngay. Tiếng cười nói cách khóm hoa kia cũng không biết là xa hay là gần. Cô gái trong giấc mơ của thi nhân không được miêu tả rõ ràng mà chỉ được hình dung qua ảo ảnh đưa đến, qua âm thanh vọng lại. Tất cả đều huyền ảo và mơ hồ. Ngỡ như vén khóm hoa kia là thấy ngay cô gái nhưng cả nhà thơ và người đọc đều không tìm thấy gì. Nhà thơ khẽ khàng, nâng niu từng chút một cái “*vũ trụ riêng tư*” ấy.

Đang ở giữa cõi mộng mà dự cảm về sự mất mát, tàn phai đã cận kề. Người đọc cũng phải theo thi nhân mà nương nhẹ từng bước, nếu đặt chân quá mạnh không gian ấy sẽ vỡ tan và biến mất. Giấc mơ của thi nhân có màu xanh non mơn mớn của lá sen, có vẻ đẹp đầy đặn của hoa sen, có hương sen thơm ngát. Tất cả đem đến một cảm giác dịu ngọt cho tâm hồn. Mộng đẹp nhưng không hé lộ hết mà cứ dẫn dắt người trong mộng tiếp tục tìm kiếm, mãi miết đuổi theo những ảo ảnh, theo tiếng cười trong khóm hoa, theo bóng người dưới nước. Giấc mơ ánh lên vẻ kì diệu hư ảo. Nguyễn Du bao giờ cũng muốn nhìn sâu vào bên trong, vào chiều sâu vô hình ấy, ông muốn tìm hiểu đến tận cùng. Nhưng tất cả chỉ là hư ảo. Mộng đến với người không phải bằng chân dung hữu hình, bằng những đường nét cụ thể mà chỉ là ý niệm về một người con gái được nhìn qua lăng kính ảo ảnh mà nhà thơ gọi là “*cô láng giềng*”, là “*người mình thương*”. Sự là ảo mà tình là thật. Niềm yêu mến, quyến luyến hiện rõ ràng:

Kì trung hữu chân ti,

Khiên liên bất khả đoạn.

(Trong thân cây sen rõ có những sợi tơ/ Vãn vương không thể dứt được)

(Mộng đắc thái liên IV)

Tất cả đều thoát ần, thoát hiện, mong manh, khó nắm bắt vô cùng. Thế thơ năm chữ với những câu thơ ngắn tựa như giấc mơ kia cũng ngắn ngủi, bất định. Nguyễn Du như muốn nối dài thêm câu chữ, nối dài thêm giấc mơ. Việc dùng nhiều thanh bằng trong bài thơ có thể xem như một cố gắng níu kéo của thi

nhân. Gần đạt đến mức tuyệt đối thanh bằng, đôi câu thơ dẫn dắt hồn thơ qua điệp trùng những vang ngân không cùng. Nhờ đó giấc chiêm bao thêm thanh và thêm nhẹ, lan tỏa mệnh mang:

*Liên điệp hà thanh thanh,
Liên hoa kiều doanh doanh.*

(Lá sen sao xanh xanh/ Hoa sen đẹp đầy đặn)

(Mộng đặc thái liên V)

Nhưng cố gắng ấy cũng không đủ để giấc mộng ở lại với thi nhân lâu hơn. Mộng tan để lại nỗi vấn vương như tơ sen, mãi không thể dứt được.

Mộng đến mà như không, không mà như có. Nhân sinh quan Nguyễn Du đượm màu sắc Lão Trang, xem kiếp sống như một trò mộng huyền. Nam Hoa Kinh chép rằng: “*Có người nằm mộng thấy được uống rượu ăn tiệc, tỉnh dậy tiếc mà khóc; lại có người nằm mộng thấy mình khóc rồi thức dậy vui như đi săn. Mà hai hạng người đó trong khi nằm mộng không biết rằng mình nằm mộng, đôi khi nằm mộng thấy rằng mình nằm mộng, tới khi tỉnh mới biết rằng mình nằm mộng. Và chỉ khi nào đại giác (tỉnh lớn) mới biết rằng đã qua một “đại mộng” (giác mộng lớn)*” [6, tr.172-tr.173]. Quan niệm “*Xử thế nhược đại mộng*” (Sống ở đời như một giấc mộng lớn) (Lý Bạch) hay “*Nhân gian như mộng*” là vậy.

Mộng đôi khi cũng chính là niềm tin tâm linh trong đời sống con người. Bằng con đường của những giấc mộng, người ta có thể gặp gỡ được những người đã khuất, người tiền kiếp... Mộng là sự xác tín về một thế giới vô hình, thế giới của những người đã khuất, của thiên địa,

thần linh, ma quỷ...

Ở *Kí mộng*, người vợ đã khuất hiện về trong giấc chiêm bao ngắn ngủi, trong sự hình dung của sợi dây tình cảm thiêng liêng:

*Mộng trung phân minh kiến,
Tâm ngã giang chi mi.
Nhan sắc thị trừ tích,
Y sức đa sâm si.
Thử ngôn khổ bệnh hoạn,
Kế ngôn cứu biệt li.*

(Trong mộng thấy rõ ràng/ Tìm ta ở bên sông/ Nhan sắc vẫn như xưa/ Áo quần thì rách thếch/ Thoạt đầu nói khổ vì bệnh hoạn/ Kế đó nói xa nhau lâu)

Người vợ của thi nhân phải đối mặt với bao hiểm nguy trên đường đi tìm chồng. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi của giấc mộng, người vợ nào kịp giải bày hết nỗi niềm bởi “*nghẹn ngào khóc không nói hết câu*”.

Không gian giấc mộng nằm ngoài ý thức của con người – đó là không gian vô thức. Giấc mộng cũng ngồn ngang những bất an vô thức: sợ nỗi *hổ báo*, *thuồng luồng*, *ngán nỗi đường đi hiểm và dữ*. Mộng không đơn thuần chỉ diễn ra ở một vị trí cố định mà có sự lắp ghép giữa các vùng không gian: *núi - sông - bến sông - đường đi...* tạo nên cõi mộng rộng lớn, rợn ngợp. Rồi chính bản thân nhà thơ cũng ở trong trạng thái lưỡng phân, không biết mình đang ở không gian nào “*Trong hồn mộng là thực hay hư*”. Trong mộng rõ ràng là vợ mình nhưng người vợ ấy bình sinh nào có biết đường, sao nay có thể vượt núi băng sông? Tiếng khóc kia ở trong mộng ảo. Nhưng nỗi đau, nỗi nhức nhối của thi nhân là rất thật. Nhà

thơ như chập chờn bất định giữa mộng và thực, giữa âm và dương. Hình bóng người vợ đã ẩn hiện xa xôi, lại còn bị che phủ bởi màu sương khói của không gian huyền ảo *Phảng phất như cách nhau bức màn*. Không gian sau bức màn gợi ra ấn tượng nhân ảnh ấy nửa thực nửa hư, vừa như đã có và dường như chưa hề có, vừa hiện hữu cụ thể vừa như mang mang tan loãng trong không gian. Nếu liên tưởng đến tích xưa (vua Hán Vũ Đế chiêu hồn Lý phu nhân) thì “bức màn” kia còn là ranh giới giữa hai thế giới: âm và dương, cõi trần gian và cõi vĩnh hằng. Cái phảng phất, mập mờ ấy khiến nhà thơ bồi hồi “*Trong hồn mộng là thực hay hư*”...

Không chỉ dừng lại ở những giấc chiêm bao, hồn mộng Nguyễn Du cũng có những vận động trong thế giới tâm linh đầy hư ảo. Bằng chứng là, đêm đêm hồn mộng Nguyễn Du vẫn tìm đến thơ Đỗ Phủ như một sự tri âm, chia sẻ:

Mộng hồn dạ nhập Thiếu Lăng thi

(Hồn mộng tôi đêm đêm nhập vào thơ Đỗ Thiếu Lăng)

(Y nguyên vận kí Thanh Oai Ngô Tử Nguyên)

Dân gian quan niệm khi người ngủ là linh hồn xuất đi. Trong khoảng thời gian đó hồn đi đến nhiều nơi. Khi người thức giấc cũng là lúc linh hồn trở về nhập vào thể xác. Ở đây hồn Nguyễn Du nhập vào thơ của bậc thầy văn chương mà mình hằng khâm phục. Quả là điều xưa nay chưa từng thấy! Mỗi đồng cảm Nguyễn Du dành cho Đỗ Thiếu Lăng đã xóa nhòa sự khác nhau về tuổi tác, thời đại, cũng xóa nhòa cả ranh giới âm – dương cách biệt. Nguyễn Du còn thủ thi,

ân cần dặn dò hương hồn Đỗ Phủ nơi chín suối:

Trạo đầu cừu chứng y thuyên vị?

Địa hạ vô linh quỷ bối xi.

(Chúng lác đầu cũ đã chữa khỏi được chưa?! Dưới đất đừng để cho lũ ma quỷ cười mình)

(Lỗi Dương Đỗ Thiếu Lăng mộ I)

Những ảo ảnh, những hình dung tưởng tượng càng làm phong phú thêm thế giới hư ảo trong thơ chữ Hán Nguyễn Du. Đó là khi mộng hòa vào thực, Nguyễn Du nhìn thấy bóng Dự Nương bên cầu năm nào:

Lộ kinh Tam Tấn giai khâu thổ,

Chú mục kiều biên như hữu đồ.

(Đường qua Tam Tấn toàn là gò bãi/ Mắt chăm chú nhìn bên cầu dường như thấy bóng ông (Dự Nương))

(Dự Nương chủ thủ hành)

Đó là khi Nguyễn Du lắng nghe được những âm thanh mơ hồ từ cõi âm, tưởng tượng trong gió mưa gầm thét chùng như đó là tiếng la hét của Hạng Vũ năm xưa:

Phong vũ do văn sát sát thanh

(Trong gió mưa còn nghe như tiếng la hét)

(Sở Bá Vương mộ II)

2. Theo thuyết nhà Phật, cuộc đời được ví là một giấc mộng lớn (đại mộng). Thế nên, khi nhắm mắt lìa đời, con người chỉ nắm tay không mà đi. Còn giấc chiêm bao của chúng ta có thể ví là tiểu mộng. Thức dậy, mọi việc trong chiêm bao liền hoàn không. Cả hai cùng là giấc mộng, chỉ khác nhau là giấc mộng dài, hay giấc mộng ngắn. Mọi vật đều quy về một chữ “huyễn” mà thôi.

Vậy nên *sắc màu của mộng* trong thơ Nguyễn Du cũng biến hóa, hư ảo lạ thường. Gam màu sáng và ám áp của ngọn đèn ngày trùng phùng vừa nhen lên đã vội bị thay thế bằng gam màu tối và lạnh lẽo của nỗi cô đơn: *Mộng đến, ngọn đèn cô đơn sáng leo lét/ Mộng tàn, gió lạnh thổi (Kí mộng)*. Sắc đỏ của rừng phong vào thu nhắc nhở chinh nhân rằng dải non Hồng xanh biếc kia chỉ là mộng寐 suông mà thôi (*Nhiếp khẩu đạo trung*)... Mập mờ ảo thực, các vùng không gian mộng tưởng phảng phất sau bức màn, bảng lảng trong khói mây, tít tắp nơi góc bể chân trời.

Từ cõi nhân gian - cuộc sống đời thường đến miền tâm tưởng - những giấc mơ, nỗi ám ảnh về cuộc đời hư vô nơi nhà thơ càng hiện rõ:

Trần thế bách niên khai nhãn mộng.

(Cuộc đời trăm năm trên trần thế chỉ là giấc mộng vừa mở mắt)

(La Phù giang thủy các độc tọa)

Bách tuế vi nhân bi thuấn tức,

Mộ niên hành lạc tích tu du.

(Cuộc đời trăm năm thương thay chỉ là chớp mắt/ Cuộc vui chơi lúc tuổi già, tiếc chỉ là thoáng chốc)

(Mạn hứng)

Kim lai cổ vãng Lư sinh mộng,

(Nay lại xưa qua chỉ là giấc mộng của chàng họ Lư)

(Hoàng Hạc lâu)

Và ngẫm cho cùng thì:

Thiên hạ hà nhân bất mộng trung

(Nhưng thiên hạ ai là người không ở trong mộng)

(Ngẫu đề)

Với Nguyễn Du, kiếp sống con người quả thật ngắn ngủi, đổi thay chóng vánh, hư ảo khôn lường: *“Sáng và chiều đổi thay theo bóng mây trôi lơ lững; Xưa và nay lênh đênh như hoa sóng cuộn cuộn” (La Phù giang thủy các độc tọa)*. Trong giấc mộng đời ấy, con người chỉ như một người khách trọ, thoát đến, thoát đi. Mỗi người đóng một vai trong giấc mộng của chính mình và trong giấc mộng của người khác nữa. Thế nên trong thơ, chẳng lạ gì khi Nguyễn Du luôn nhận mình là *“hành nhân”, “chinh nhân”, “du tử”, “du khách”, “chinh khách”, “trẻ khách”*...

3. Sáng tác văn chương của các nhà Nho chủ yếu và trước hết để tỏ ý chí, hoài bão, hướng con người đến miền lí tưởng cao đẹp. Những người thuộc nền giáo dục Nho giáo hiểu rất rõ về phận sự nam nhi và lập trường cống hiến của tầng lớp họ. Vì thế, không lạ gì khi các nhà nho xây mộng về xã hội thịnh trị, ấm no như thời Nghiêu - Thuấn. Được đào tạo nơi “cửa Khổng sân Trình”, Nguyễn Du cũng quyết nhập thế để thực hiện mộng công danh. Không đơn thuần chỉ là phận sự nam nhi, đó còn là ý nguyện giúp người giúp đời, là hoài bão tự thân Nguyễn Du. Kì vọng nhiều vào tương lai, mong ước ấy thôi thúc con người tự tin hành động. Nguyễn Du say sưa nghĩ đến tương lai với *“hoàng các mộng”* (giấc mộng gác vàng) (*Mạn hứng I*), với *“vân tiêu mộng”* (mộng mây xanh) (*Ngẫu thư công quán bích*). Đó là mộng công danh cũng là mong ước thành đạt của kẻ sĩ họ Nguyễn. Để rồi khi chí không toại, nhà thơ nhắc đến những giấc mộng một thời

ấy với thái độ chán ngán:

*Cao hứng cứu vô hoàng các **mộng***

(Đã lâu không còn cao hứng với
giấc mộng gác vàng)

(*Mạn hứng I*)

Những câu thơ mang đậm ý vị chua
chát:

*Bình sinh dĩ tuyệt vân tiêu **mộng**,*

Phạ kiến bàng nhân vấn vũ mao

(Bình sinh đã dứt giấc mộng bay
lên mây xanh/ Chỉ e người bên cạnh hỏi
đến lông cánh - *Ngẫu thư công quán bích
III*)

Một khi “*Đám phồn hoa trót bước
chân vào*” (*Thoát vòng danh lợi* –
Nguyễn Công Trứ) thì ý định “dứt mộng
mây xanh” liệu có dễ dàng? Thực tế là:

Hư danh vị phóng bạch đầu nhân

(Nhưng hư danh vẫn chưa buông
tha cho người đầu bạc)

(*Mạn hứng I*)

Một bộ phận sáng tác của các nhà
nho xưa hướng đến việc bày tỏ nỗi niềm
nhân sinh thế sự và cả nỗi niềm cá nhân.
Nỗi nhớ dày đặc trong thơ Nguyễn Du:
nhớ bạn đồng môn, bạn đồng liêu, nhớ
người thân, nhớ quê hương... và theo đó
là những giấc mộng gia hương, mộng cố
nhân... Một điều thú vị là những giấc
mộng ấy chịu ảnh hưởng sâu sắc của
cách *cảm thụ không gian, thời gian* của
các nhà nho. Với năng lực chiếm lĩnh
không gian hạn chế, khi đối diện với
những vùng không gian rộng lớn, với
những khoảng cách địa lí cao xa, tách
biệt, các tác giả trung đại tỏ ra e ngại và
họ khao khát nối liền các vùng không
gian ấy. Mộng có giúp Nguyễn Du thực
hiện ước muốn ấy?

Hải thiên mang diều thiên dư lí,

*Thần phách tương cầu mộng diệc
nan.*

(Trời biển mênh mang, đường xa
nghìn dặm/ Hồn phách tìm nhau trong
mộng cũng khó)

(*Ức gia huynh*)

Anh em cách xa nghìn dặm, vắng
tin tức nhau nhưng không lúc nào
Nguyễn Du nguôi tưởng nhớ. Giấc mộng
đến trong niềm mong nhớ da diết nhưng
dẫu là trong mộng, hồn phách hai anh em
cũng khó tìm nhau. Mộng đã ngăn ngại
lại còn không trọn vẹn, chẳng giúp thi
nhân thỏa lòng mong nhớ. Mong đợi
ngày trùng phùng nhưng thi nhân cũng tự
hiểu ngày đó còn xa lắm, mênh mông góc
bề chân trời, chắc phải đợi đến kiếp sau.

Những giấc mộng “*gia hương*” -
niềm ao ước được trở về quê hương -
được Nguyễn Du nhắc đi nhắc lại trong
rất nhiều bài thơ:

Ngũ canh tàn mộng tục hương quan

(Trong giấc mộng tàn canh năm vẫn
còn mơ về quê hương)

(*Thủy Liên đạo trung tảo hành*)

Khi phiêu bạt nơi góc bể chân trời,
khi làm quan, khi đi sứ, không lúc nào
nhà thơ không nhớ, không hướng về quê
nhà nơi xa xôi:

Thiên lí li gia lữ mộng trì.

(Xa nhà ngoài ngàn dặm, giấc
mộng đất khách dài)

(*Đại tác cửu thú tư quy*)

Những giấc mộng ấy một lần nữa
nhắc nhớ Nguyễn Du về hoàn cảnh tha
hương của mình:

Mộng trung từng cúc ức quy dư

(Trong mộng, rừng từng khóm cúc

làm ta nhớ chuyện trở về)

(*Lạng Sơn đạo trung*)

Những giấc mộng và những hình dung, tưởng tượng tương tự như thể đưa thi nhân đến với nhiều **không gian hư ảo** khác nhau. Kìa là dãy non Hồng quen thuộc nơi quê nhà: “*Hơn một năm qua, chỉ mộng寐 suông về dải non Hồng*” (**Nhiếp khải đạo trung**), “*Trong mơ núi Hồng vắng những cuộc đi săn*” (**Hồng Lĩnh mộng trung**). Kìa lại là nơi chốn nào hoàn toàn lạ lẫm, là mồ mã, tha ma, nghĩa địa (**Lỗi Dương Đổ Thiếu Lăng mộ, Nhạc Vũ Mục mộ, Tử Can mộ...**). Trong mộng, mọi hình ảnh đều nhòe đi, các đường nét đều trở nên huyền hồ hư ảo, cả thế giới dường như cũng ngã nghiêng trong con mộng của thi nhân: *Chính lúc bồi hồi nhớ đến đêm nao ở non Hồng/ Thì mình lại đang ở bến sông La Phù* (**Sơ nguyệt**). Bút thơ thi nhân đưa ta đến với những miền không gian diệu vợi, vô biên, chấp chới giữa thực và mộng... Tất cả làm nên một thế giới hư huyền vừa quen thuộc, vừa xa lạ.

Đặc biệt, trong thế giới nghệ thuật của các nhà nho ẩn dật và nhà nho tài tử, **mộng** luôn luôn hiện hữu. Từ thái độ bất hợp tác, bất mãn với hiện thực, họ thường vẽ ra một thế giới cho riêng mình, thoát ra khỏi vòng danh lợi tầm thường. Nguyễn Du cũng có lúc mang những ước mơ được chiếm lĩnh những không gian cao, những miền xa để thả hồn cùng trời đất, đi tìm những giây phút lãng mạn, đẹp đẽ:

*Thu trung khả hữu phù sa quá,
Ngã dục thừa chi tái thượng thiên*
(Giữa mùa thu, nếu có được người

thả bè vượt sông này/ Ta cũng muốn cưỡi theo chiếc bè đó lên trời lần nữa)

(*Hoàng Hà*)

Hoặc ước mơ thoát khỏi không gian tù đọng, tàn úa, lánh mình vào nơi “*vạn sơn thâm xứ tuyết phong trần*”:

Ná đắc khiêu li phù thế ngoại,

Trường tùng thụ hạ tối nghi nhân.

(Ước gì nhảy thoát ra khỏi vòng trần tục/ Dưới bóng cây tùng già, thích biết bao)

(*Sơn thôn*)

Xác thân và tâm hồn càng mệt mỏi bao nhiêu, nỗi niềm mong ước càng tha thiết, mãnh liệt bấy nhiêu. Nhà thơ khao khát được tự do:

Tiến nhĩ dã âu tùy thủy khứ,

(Thèm được như đàn âu kia theo giòng nước lội đi)

(*Đồng Lung giang*)

Trong cảnh phù sinh vất vả của bản thân, Nguyễn Du muốn từ quan để tìm về cuộc sống thanh nhàn, xa lánh vòng danh lợi. Và ông mộng được đi tu:

Hà năng lạc phát qui lâm khứ

Ngọa thánh tùng phong hưởng bán vân

(Ước sao có thể xuống tóc vào rừng/ Nằm nghe tiếng thông reo lung chùng mây)

(*Tự thán II*)

Nhưng tìm đâu cho thấy khu rừng lí tưởng ấy khi những sợi dây ràng buộc thi nhân với cõi tục hãy còn vướng vít, bủa vây. Mong muốn thoát khỏi ràng buộc trở thành niềm ao ước thường trực và khắc khoải. Đã có lúc niềm mơ ước dâng lên mãnh liệt, nhà thơ của chúng ta chỉ chực “*treo mũ từ quan*” mà ra đi ngay:

*Ngã dục quải quan tòng thử thệ,
Dữ ông thọ tuế lạc cảm tôn.*

(Ta cũng muốn từ đây treo mũ áo từ quan mà ra đi/ Cùng ông hưởng thọ vui với đàn, với rượu)

(Tặng nhân)

Có lúc, sự ngọt ngào trong tâm hồn khiến Nguyễn Du phải kêu gọi ánh sáng:

An đắc huyền quan minh nguyệt hiện,

Dương quang hạ chiếu phá quần âm.

(Ước gì trước cửa huyền vàng trăng sáng hiện ra/ Ánh sáng rọi xuống phá tan mọi u ám)

(Ngọa bệnh II)

Nhà thơ ao ước có một thứ ánh sáng huyền diệu có thể xua tan không gian u ám đang vây quanh mình. Ánh sáng với phép màu kì lạ ấy cũng sẽ giúp thi nhân thay đổi tình trạng bế tắc hiện tại. Mơ ước thoát tục và mộng “lên trời” vì không muốn “chết ngạt” trong thực tại, nhà thơ mơ ước những hành trình vượt thoát miễn là thoát khỏi cảnh chật chội tù hãm của cuộc sống chung quanh. Không gian nhân bản, thoát tục này mãi mãi cũng chỉ là niềm mơ ước của Nguyễn Du cũng như của nhiều thi nhân khác.

Không gian mộng tưởng ấy hiện ra trong trạng thái nửa thức, nửa ngủ: khi mơ màng, lúc tàn canh, khi gần sáng hay lúc vừa chợp mắt. Mộng nói mộng, **bất chấp cả thời gian**, bởi với Nguyễn Du thời gian một đời người cũng là mộng mà thôi. Đêm thì:

Mộng hồn dạ nhập Thiếu Lăng thi

(Hồn mộng tôi đêm đêm nhập vào thơ Đỗ Thiếu Lăng)

(Y nguyên vận kí Thanh Oai Ngô Tử Nguyên)

Gần sáng thì:

Ngũ canh tàn mộng tục hương quan.

(Trong giấc mộng tàn canh nằm vẫn còn mơ về quê hương)

(Thủy liên đạo trung tảo hành)

Ngay cả ban trưa thi nhân cũng mộng:

Ngộ mộng tỉnh lai vãn

(Tỉnh giấc mộng trưa trời đã muộn)

(Sơn Đường dạ bạc)

Ngộ song vô mộng đảo thiên nha (nhai)

(Trong giấc ngủ trưa bên song cửa, hồn mộng không còn đến chân trời)

(Tống Nguyễn Sĩ Hữu nam quy)

Xuất hiện nhiều nhất là bối cảnh “đêm tối”. “Đêm tối” vừa là *thời gian mộng*, vừa là *không gian mộng*. Đêm là khoảng thời gian yên tĩnh để chiêm nghiệm:

Hoang giao tĩnh dạ loạn phi huyễn

(Giữa cánh đồng hoang, đêm vắng, đom đóm bay tứ tung)

(Vị Hoàng doanh)

Bạch địa đình trì dạ sắc không,

(Sân thềm trống trơn, màn đêm tĩnh lặng)

(Ngẫu đề)

Quan tâm nhất dạ khổ vô thủy,

(Suốt đêm bận lòng khổ tâm không ngủ được)

(Thăng Long I)

Vô hạn thương tâm nhất dạ trung.

(Trong một đêm xiết bao nỗi đau lòng)

(Sơ thu cảm hứng)

Chung đạ bồi hồi tứ chuyển mê.
(Suốt đêm bồi hồi, nghĩ ngợi mê man)

(*Ngẫu hứng I*)

Dường như ban ngày Nguyễn Du sống với tư cách là con người công dân với bổn phận, trách nhiệm; còn ban đêm, ông lại trở về với con người cá nhân của mình, với những nỗi niềm, những thao thức rất riêng. Hầu như những hoạt động tâm linh của chủ thể trữ tình đều diễn ra trong đêm tối. Bóng đêm bao trùm, dường như vạn vật đều chìm vào tĩnh lặng nhường chỗ cho những mộng mị hư ảo, cả cho những cuộc đàm luận với người chết. Chỉ khi đêm xuống, Nguyễn Du mới có cơ hội tìm gặp những người thân thương dấu bằng đôi cánh ảo mộng,

hoặc tìm lại chính mình, đối diện với lòng mình.

Dù xem xét ở góc độ nào, mộng trong thơ chữ Hán Nguyễn Du thực sự đã tồn tại như một giá trị nghệ thuật quý giá. Nó mở ra cho người đọc một “kênh giao tiếp” mới (cõi mộng – cõi tâm linh) để hiểu và cảm sâu hơn tấm lòng thi nhân. Việc khảo sát thơ chữ Hán Nguyễn Du ở góc độ này hoàn toàn cho phép người nghiên cứu tiếp cận sâu hơn ý nghĩa nhân văn sâu sắc của thi phẩm Nguyễn Du, đó là nỗi niềm nhân sinh đầy trắc ẩn về vấn đề ý nghĩa của cuộc sống, về giá trị tinh thần của con người. Thơ chữ Hán Nguyễn Du đã kết tinh những giá trị nhân văn mới mẻ, làm tròn đầy khái niệm chủ nghĩa nhân văn của thời đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Duy Cần (2011), *Phật học tinh hoa* (tái bản lần 1), Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Đăng Duy (1998), *Nho giáo với văn hóa Việt Nam*, Nxb Hà Nội.
3. Nguyễn Đăng Duy (1999), *Phật giáo với văn hóa Việt Nam*, Nxb Hà Nội.
4. Nguyễn Đăng Duy (2001), *Đạo giáo với văn hóa Việt Nam*, Nxb Hà Nội.
5. Nguyễn Đăng Duy (2002), *Văn hóa tâm linh*, Nxb Văn hóa Thông tin.
6. Nguyễn Hiến Lê (chú dịch và giới thiệu) (1994), *Trang Tử - Nam Hoa Kinh*, Nxb Văn hóa, TPHCM.
7. Mai Quốc Liên, Nguyễn Quảng Tuân, Ngô Linh Ngọc, Lê Thu Yên (1996), *Nguyễn Du toàn tập*, Nxb Văn học, TPHCM.
8. Nguyễn Hữu Sơn & tác giả khác (1998), *Về con người cá nhân trong văn học cổ Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
9. Trần Đình Sử (2005), *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Trần Nho Thìn (2008), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*, Nxb Giáo dục, Huế.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 02-7-2013; ngày phản biện đánh giá: 08-7-2013; ngày chấp nhận đăng: 12-8-2013)